TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2018
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Đình S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 74 đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Chị Lê Bùi Phương X, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 900/79 đường Q, tổ 14, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2018, các tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn là anh Tạ Đình S trình bày:

Anh và chị Lê Bùi Phương X sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi ngày 24/10/2016 nhưng chưa tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nói gì chị X cũng không nghe mà còn cãi lại và xúc phạm anh. Giữa anh và chị X thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung. Vì không thể sống chung với chị X nên anh đã vào

tỉnh Phú Yên sinh sống nhằm có thời gian suy nghĩ lại mối quan hệ giữa anh và chị X. Tuy nhiên, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh và chị X đã sống ly thân từ tháng 11/2016 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị Lê Bùi Phương X.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Bị đơn chị Lê Bùi Phương X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là anh Tạ Đình S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Lê Bùi Phương X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S và chị X.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Tạ Đình S và chị Lê Bùi Phương X tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/10/2016 nên hôn nhân của anh S và chị X là hợp pháp. Theo anh S trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nói gì chị X cũng không nghe mà còn cãi lại và xúc phạm anh. Giữa anh và chị X thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung nên anh và chị X đã sống ly thân từ tháng 11/2016 cho đến nay. Tình cảm của anh với chị X không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên không thể hàn gắn được. Về phía chị X, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho chị X theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị X không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh S. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Tạ Đình S về việc xin ly hôn chị Lê Bùi Phương X.

[2.2] *Về con chung:* Anh Tạ Đình S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Tạ Đình S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Anh Tạ Đình S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tạ Đình S và chị Lê Bùi Phương X.

2. Về án phí: Anh Tạ Đình S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003409 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND TP.Q;*
- *Chi cục THADS TP.Q;*
- *UBND P.T, TP.Q;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa